

Ngữ văn 8: ÔNG ĐỒ - VŨ ĐÌNH LIÊN

A. Nội dung bài thơ

Mỗi năm hoa đào nở
 Lại thấy ông đồ già
 Bày mực Tàu, giấy đỏ
 Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
 Tám tắc ngợi khen tài:
 Hoa tay thảo những nét
 Như phượng múa, rồng bay”

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
 Người thuê viết nay đâu?
 Giấy đỏ buồn không thắm
 Mực đọng trong nghiên sâu

Ông đồ vẫn ngồi đấy
 Qua đường không ai hay
 Lá vàng rơi trên giấy
 Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
 Không thấy ông đồ xưa
 Những người muôn năm cũ
 Hồn ở đâu bây giờ?

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

- Vũ Đình Liên (1913 - 1996)
- Quê quán: Quê gốc là ở Hải Dương nhưng sống chủ yếu ở Hà Nội
- Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới

- Phong cách sáng tác: Thơ ông mang nặng nỗi niềm xưa, nỗi niềm hoài cổ, hoài vọng

2. Tác phẩm

a, Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác 1936 khi Hán học, chữ Nho ngày càng suy tàn.

b, Bố cục: 3 phần

- Phần 1 (hai khổ thơ đầu): Hình ảnh ông đồ thời kì đặc ý

- Phần 2 (hai khổ tiếp theo): Hình ảnh ông đồ thời suy tàn

- Phần 3 (còn lại) : Tình cảm của nhà thơ

c, Phương thức biểu đạt: Tự sự + Miêu tả + Biểu cảm

d, Thể thơ : Ngũ ngôn

e, Giá trị nội dung:

Tác phẩm khắc họa thành công hình ảnh cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khơi gợi được niềm xúc động tư vấn của nhiều độc giả

f, Giá trị nghệ thuật:

- Thể thơ ngũ ngôn

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

C. Đọc hiểu tác phẩm

1. Hình ảnh ông đồ thời kì đặc ý

- **Khung cảnh xuất hiện:**

+ Thời gian: *hoa đào nở* - mùa xuân

+ Hành động: *bày mực tàu, giấy đỏ* - công cụ chủ yếu của các nhà nho

+ Địa điểm: *phố đông người* → sự đông vui, náo nhiệt lúc xuân về

- Hình ảnh ông đồ:

+ Cặp từ “*mỗi năm...lại*” → xuất hiện quen thuộc đều đặn của ông đồ như một thói quen thường lệ thu hút sự chú ý của bao người

+ Ông đồ là trung tâm của mọi sự chú ý bởi những nét “*phượng múa rồng bay*”, người người đều “*tám tắc ngợi khen tài*” → Thời kì vàng son của ông đồ

⇒ Hình ảnh ông đồ tượng trưng cho một nét truyền thống văn hóa lâu đời của Việt Nam.

2. Hình ảnh ông đồ thời suy tàn

- Khung cảnh điêu hiu, vắng vẻ:

+ “*mỗi năm mỗi vắng*” – xuất hiện thưa thớt theo thời gian.

+ “*Người thuê viết nay đâu?*” - Câu hỏi tu từ → xót xa về sự thay đổi của xã hội, của lòng người.

→ Sự đối lập của khung cảnh với 2 khổ đầu ⇒ nỗi niềm day dứt, vẫn ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy xuất hiện nhưng không ai thuê viết, ngợi khen

- Hình ảnh ông đồ ngồi đơn độc, lạc lõng giữa đường phố tập nập:

+ Hình ảnh nhân hóa: *Giấy đỏ - không thấm, mực đọng - nghiên sâu*, → không gian ảm đạm, gợi cảm giác bẽ bàng, trơ trọi.

+ Tả cảnh ngụ tình: *lá vàng, bụi bay* - Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo

→ Tâm trạng con người buồn tủi, cô đơn, tội nghiệp

⇒ Hình ảnh ông đồ lạc lõng giữa đường phố - sự mai một của nét văn hóa truyền thống, sự lãng quên của lòng người đối với những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

3. Tình cảm của nhà thơ:

- Thời gian: mùa xuân - *đào lại nở* (*lại*: sự lặp lại tuần hoàn của cảnh thiên nhiên)
- Hình ảnh: “*Không thấy*”, phủ nhận sự có mặt của một người đã từng trở thành niềm ngưỡng vọng
- Câu hỏi tu từ : “*Những người muôn năm cũ...bây giờ?*”: Câu hỏi tu từ không lời đáp → nỗi niềm xót xa, cay đắng.
⇒ *Tấm lòng đồng cảm, thương xót của tác giả đối với không chỉ ông đồ mà sâu hơn, đó là đối với cả một giá trị truyền thống của dân tộc*

D. Sơ đồ tư duy

